TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 18-7-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa **:** Bà Phùng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân **:**

1. Ông Lê Văn Chí

2. Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công thương ; địa chỉ: Số 108, T, quận H, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Công thương , chi nhánh tỉnh P (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2018); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần xi măng H; địa chỉ: Lô 10, khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh P;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Hải, sinh năm 1974; trú tại: Khu 2, phường V, thành phố V, tỉnh P (Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH phát triển H; địa chỉ: Khu công nghiệp T, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; trú tại: Xã Đ, huyện C, tỉnh P (Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Minh P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ năm 2003 đến năm 2008, Công ty TNHH phát triển H (viết tắt là Công ty H) có vay vốn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh P (viết tắt là Ngân hàng Công thương) để thực hiện dự án xây dựng nhà máy xi măng và phục vụ sản xuất xi măng và Clinker. Tổng mức vay vốn thời điểm cao nhất là 60 tỷ đồng. Sau khi dự án xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, công ty H đã dùng chính các tài sản này làm tài sản thế chấp đảm bảo cho vốn vay tại Ngân hàng công thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007. Theo đó thì các tài sản bảo đảm của Công ty H đảm bảo cho khoản vay vốn của mình gồm:

- Toàn hệ thống nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho, vật kiến trúc thuộc dây truyền nghiền hình thành từ vốn vay của Ngân hàng Công thương trên thửa đất có diện tích là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC ngày 28/11/2007. Hợp đồng thế chấp này đã được Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định.

- Máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền xi măng của Công ty H tại KCN T, thành phố V, tỉnh P. Các tài sản này được lắp đặt trong các nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho…nêu trên, trên thửa đất có diện tích là 35.567m2 là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007; hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định.

Công ty CP xi măng H (viết tắt là Công ty xi măng H) là doanh nghiệp sau khi Công ty H được chia tách chuyển đổi thành. Sau khi chia tách và chuyển đổi thành Công ty xi măng H, hai công ty đã thống nhất bàn giao toàn bộ dư nợ vốn vay ngân hàng của Công ty H cho Công xi măng H để tiếp tục phục vụ cho hoạt động sản xuất xi măng, Clinker. Căn cứ vào hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp, ngày 09/08/2008, Ngân hàng Công thương đã tiến hành làm việc với hai công ty, theo đó Công ty xi măng H nhận lại toàn bộ nợ vay của Công ty H tại Ngân hàng với số tiền là 56.514.094.001 đồng; trong đó nợ gốc là 56.120.219.000đ; nợ lãi là 393.875.001đ (gồm lãi cộng dồn: 393.035.881đ và lãi phạt cộng dồn: 839.120đ).

Ngày 19/08/2008, Công ty xi măng H đã thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng nhận lại nợ của Công ty H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh tỉnh P (theo biên bản thỏa thuận ngày 09/08/2008). Cùng ngày, ba bên đã cùng nhau ký kết các văn bản sửa hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC và hợp đồng thế chấp tài sản số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007, có nội dung sửa đổi bên thế chấp từ Công ty H thành Công ty

xi măng H nhưng các tài sản đảm bảo vẫn giữ nguyên như 02 hợp đồng thế chấp cũ để đảm bảo nghĩa vụ vay của Công ty xi măng H.

Ngày 03/8/2012, để tiếp tục phục vụ sản xuất kinh doanh xi măng và clinker nên Ngân hàng và Công ty xi măng H đã tất toán toàn bộ các khoản vay của các hợp đồng tín dụng cũ và ký kết 01 Hợp đồng tín dụng hạn mức mới số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN với Ngân hàng Công thương với Hạn mức cho vay là 36.022.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến ngày 30/6/2014; thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết HĐTD này là 20%/năm; phạt chậm trả lãi là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty xi măng H vay các khoản tiền trên bằng các giấy nhận nợ.

Qua nhiều năm, mặc dù Ngân hàng Công thương vẫn thường xuyên đôn đốc nhưng phía Công ty xi măng H vẫn không thực hiện được việc chuyển đổi quyền sở hữu tài sản (theo 2 hợp đồng thế chấp trên) từ Công ty H sang Công ty xi măng H nên đến 08/09/2014, Ngân hàng Công thương và hai công ty đã tiến hành ký kết các văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC và hợp đồng thế chấp tài sản số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007 với nội dung sửa lại bên bảo đảm là Công ty H; nghĩa vụ bảo đảm được sửa đổi, bổ sung là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty xi măng H đối với Ngân hàng Công thương "phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh…hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà…ký…trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này". Các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, các tài sản của Công ty H đảm bảo cho khoản vay vốn của Công ty xi măng H theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN ngày 03/8/2012 gồm:

- Toàn hệ thống nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho, vật kiến trúc thuộc dây truyền nghiền hình tành từ vốn vay của Ngân hàng Công thương trên thửa đất có diện tích là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

- Máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền xi măng của Công ty H tại KCN T, thành phố V, tỉnh P. Các tài sản này được lắp đặt trong các nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho…nêu trên, trên thửa đất có diện tích là 35.567m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty xi măng H mặc dù đã cam kết với Ngân hàng về việc trả nợ nhưng Công ty thường xuyên vi phạm; không thực hiện cam kết trả nợ cho Ngân hàng Công thương, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù được Ngân hàng đôn đốc thường xuyên cũng như tạo điều kiện cho Công ty có thời gian thu xếp nguồn để trả nợ.

Nay Ngân hàng Công thương đề nghị Tòa án buộc Công ty xi măng H phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2019 là 61.750.629.668đ (Sáu mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là 33.123.390.497đ, tiền lãi là 23.402.169.744đ, lãi phạt là 5.225.069.426đ và các khoản tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty xi măng H không trả được nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp của Công ty H để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty xi măng H do bà Vũ Thị H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Công ty H với Ngân hàng Công thương; giữa Công ty xi măng H với Ngân hàng Công thương; việc chuyển đổi chủ thể vay nợ từ Công ty H sang Công ty xi măng H; việc Công ty xi măng H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Công thương ngày 03/8/2012 như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Đối với số nợ gốc mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bà thừa nhận là đúng; đối với phần nợ lãi, lãi phạt như nguyên đơn trình bày phía công ty xi măng H sẽ xem xét, đối chiếu sau. Công ty xi măng H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi như trên là do sự thay đổi về phần vốn góp của các cổ đông, do sự khó khăn chung của nền kinh tế thị trường. Nay để phục hồi hoạt động kinh doanh, Công ty đề nghị được Ngân hàng tạo điều kiện tiếp tục vay vốn; trường hợp nếu Ngân hàng không tiếp tục cho vay và thu hồi nợ đề nghị Ngân hàng miễn cho Công ty các khoản lãi; đối với tiền nợ gốc Công ty xin gia hạn trả nợ dần.

Đối với việc thế chấp các tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty xi măng H: Bà xác nhận toàn bộ quá trình các bên ký kết hợp đồng thế chấp; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp và hiện nay Công ty H có thế chấp các tài sản của mình để để bảo đảm cho các khoản vay cho Công ty xi măng H theo các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Công thương với Công ty xi măng H như lời trình bày của Ngân hàng là hoàn toàn đúng. Việc thế chấp tài sản của Công ty H để đảm bảo cho khoản vay của Công ty xi măng H là hoàn toàn tự nguyện; các hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật nên bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H do bà Nguyễn Thị Thu N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà xác nhận toàn bộ nội dung việc thế chấp tài sản của Công ty H để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty xi măng H; quá trình chuyển đổi chủ thể đảm bảo từ Công ty H sang Công ty xi măng H; chuyển đổi lại từ Công ty xi măng H thành Công ty H theo các hợp đồng thế chấp; các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp như trình bày của nguyên đơn, bị đơn là đúng. Công ty H tự nguyện thế chấp tài sản gồm dây truyền nghiền, nhà xưởng …để đảm bảo cho

khoản vay của công ty xi măng H theo hợp đồng tín dụng số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN ngày 03/8/2012 theo như văn bản sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn tự nguyện, không có ý kiến gì. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty xi măng H tiếp tục vay vốn; trường hợp nếu Ngân hàng thu hồi nợ vay thì đề nghị miễn tiền lãi và gia hạn trả nợ để Công ty xi măng H có thời gian sắp xếp lại doanh nghiệp, khôi phục hoạt động kinh doanh để trả được nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất các nội dung về nợ gốc và đều xác định các hợp đồng thế chấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp của các bên đều tự nguyện, có đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các bên không có ý kiến gì. Đối với phần nợ lãi, lãi phạt phía bị đơn chưa xác nhận mà cần đối chiếu lại.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty xi măng H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày Tòa án ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2019 là 61.750.629.668đ (Sáu mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là 33.123.390.497đ, tiền lãi là 23.402.169.744đ, lãi phạt là 5.225.069.426đ. Trường hợp công ty xi măng H không thanh toán được số nợ trên thì đề nghị xử lý tài sản đảm bảo của Công ty H theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận số nợ gốc của Công ty xi măng H tính đến ngày xét xử như trình bày của nguyên đơn là đúng; đối với nợ lãi phía bị đơn chưa xác nhận nhưng đề nghị Tòa án xem xét. Công ty đề nghị Ngân hàng xem xét, tạo điều kiện miễn lãi và kéo dài thời gian trả nợ cho Công ty xi măng H để công ty phục hồi hoạt động. Đối với tài sản đảm bảo của công ty H và đề nghị của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với nhau, phát sinh trong hoạt động kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có địa chỉ trụ sở tại thành phố V, tỉnh P nên Tòa án

nhân dân thành phố V, tỉnh P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa có lý do chính đáng nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Lần thứ hai đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa để Tòa án thu thập chứng cứ về tình trạng thuê đất của Công ty H nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 2 và ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với UBND tỉnh P. Tòa án mở phiên tòa lần 3 xét xử vụ án nhưng nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa để hai bên đàm phán thỏa thuận phương án trả nợ. Đến nay, hai bên không tự thỏa thuận việc giải quyết vụ án nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, có mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty xi măng H phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận hợp đồng tín dụng và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Công với Công ty xi măng H, Ngân hàng với Công ty H được các bên ký kết là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Hai bên xác nhận Ngân hàng Công thương đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho Công ty xi măng H theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN ngày 03/8/2012, thể hiện tại các giấy nhận nợ của Công ty xi măng H đối với Ngân hàng và đến nay, công ty xi măng H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết của các bên. Các đương sự đều thống nhất tính đến ngày đến ngày 18/7/2019, Công ty xi măng H còn nợ Ngân hàng Công thương tiền nợ gốc là 33.123.390.497đ. Đối với tiền lãi là 23.402.169.744đ, lãi phạt là 5.225.069.426đ tuy bị đơn chưa xác nhận nhưng Tòa án đối chiếu thỏa thuận về lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng với bảng kê tiền lãi, lãi phạt do nguyên đơn xuất trình thấy là phù hợp nên cần buộc bị đơn phải chịu tiền lãi, lãi phạt như nguyên đơn yêu cầu. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt tính đến ngày 18/7/2019 công ty xi măng H phải thanh toán cho ngân hàng là 61.750.629.668đ (Sáu mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Về thời hạn trả nợ, đề nghị miễn lãi các bên không thống nhất được nội dung này. Phía Công ty xi măng H đề nghị được Ngân hàng miễn lãi và xin kéo dài thời gian trả nợ nhưng không được Ngân hàng Công thương chấp nhận. Xét thấy, tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên và các văn bản pháp luật không quy định về điều kiện miễn lãi và kéo dài thời gian trả nợ, chỉ quy định quyền khởi kiện đòi nợ nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hơn nữa Ngân hàng Công thương không chấp nhận lời đề nghị của Công ty xi măng H nên cần buộc Công ty xi măng H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ và phù hợp.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2019 cho đến khi công ty xi măng H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN ngày 03/8/2012 như đề nghị của Ngân hàng là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay của Công ty xi măng H:

Xét thấy, Ngân hàng Công thương, Công ty xi măng H; Công ty H đều thống nhất thừa nhận việc các bên ký kết các hợp đồng thế chấp; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 08/9/2014 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty xi măng H theo hợp đồng tín dụng số 12.72.0308/HĐTD/NHPT-XMHN ngày 03/8/2012 là tự nguyện và đều không có ý kiến thắc mắc gì.

Xem xét hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC ngày 28/11/2007 đối với nhà xưởng, nhà kho, nhà điều hành…và Hợp đồng thế chấp số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007 đối với máy móc thiết bị thuộc dây truyền nghiền được ký kết giữa Công ty H và Ngân hàng Công thương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty xi măng H; các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp và nhất là Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 08/9/2014, thì thấy rằng các bên nhất trí sửa đổi chủ thể thế chấp là Công ty H; sửa đổi nghĩa vụ đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty xi măng H đối với Ngân hàng Công thương "phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh…hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà…ký…trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này". Đây là ý chí tự nguyện của các bên từ khi xác lập hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng và tại phiên tòa các bên đều thừa nhận nên các hợp đồng thế chấp; văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp này có hiệu lực, đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Vì vậy, nếu Công ty xi măng H không trả được các khoản nợ vay trên thì Ngân hàng Công thương có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp này để thu hồi nợ là phù hợp, cần chấp nhận. Các tài sản đảm bảo cụ thể là:

- Toàn hệ thống nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho, vật kiến trúc thuộc dây truyền nghiền hình thành từ vốn vay của Ngân hàng Công thương trên thửa đất có diện tích là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty Hùng Vương năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

- Máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền xi măng của Công ty Hùng Vương tại KCN T, thành phố V, tỉnh P. Các tài sản này được lắp đặt trong các nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho…nêu trên, trên thửa đất có diện tích là 35.567m2 là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty Hùng Vương năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo.

[4] Về án phí:

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này. Do Ngân hàng Công thương đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ, số tiền này đã chi phí hết nên cần buộc Công ty xi măng H phải thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng Công thương.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463, 466, 299 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam.

- Buộc Công ty cổ phần Xi măng H phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 18/7/2019 là 61.750.629.668đ (Sáu mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng); trong đó tiền nợ gốc là 33.123.390.497đ (Ba mươi ba tỷ một trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi là 23.402.169.744đ (Hai mươi ba tỷ bốn trăm linh hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng), lãi phạt là 5.225.069.426đ (Năm tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần xi măng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Công ty cổ phần xi măng H không thanh toán được các khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý các tài sản đảm bảo của Công ty TNHH phát triển H để thu hồi nợ, cụ thể là:

+ Toàn hệ thống nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho, vật kiến trức thuộc dây truyền nghiền hình thành từ vốn vay của Ngân hàng Công thương trên thửa đất có diện tích là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 07.17.0024/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo. (các tài sản cụ thể đã được liệt kê kèm theo hợp đồng thế chấp).

+ Máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền xi măng của Công ty H tại KCN T, thành phố V, tỉnh P. Các tài sản này được lắp đặt trong các nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho…nêu trên, trên thửa đất có diện tích là 35.567m2 là 35.567 m2 tại KCN T, thành phố V, tỉnh P; đất đã UBND tỉnh P cấp GNCQSD cho Công ty H năm 2002 theo Hợp đồng thế chấp số 07.17.0025/HĐTC ngày 28/11/2007 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo. (Các tài sản cụ thể đã được liệt kê kèm theo hợp đồng thế chấp).

2. Về án phí: Công ty cổ phần xi măng H phải chịu 169.750.629đ (Một trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần xi măng H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam 83.500.000đ (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002935 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố V, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**